

**QUAN HỆ QUỐC TẾ****QUAN HỆ HOA KỲ - IRAN  
TRONG NỬA THẾ KỶ**

Đỗ Trọng Quang

**Chính sách Hoa Kỳ trước Cách mạng Hồi giáo**

Năm 1941, Muhammad Reza lên ngôi vua ở Tehran, nối nghiệp vương triều Pahlavi, cai quản đất nước Iran. Cường quốc chủ yếu đỡ đầu chế độ Muhammad Reza là Hoa Kỳ, và như Bộ Ngoại giao Mỹ xác nhận năm 1967, Hoa Kỳ là nước quan trọng nhất có ảnh hưởng “ở cả công việc đối nội lẫn đối ngoại của Iran” sau năm 1950. Chế độ tham nhũng và áp bức của Quốc vương Iran được Washington đặc biệt ủng hộ trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh giữa phương Tây với Liên bang Xô viết cũ, vì Hoa Kỳ coi chính phủ của Quốc vương là thành trì chống sự bành trướng của Liên Xô ở khu vực quan trọng về mặt địa-chính trị, kéo dài từ bờ biển Caspian đến eo biển Bab al Mandab tại Hồng Hải. Mục tiêu sống còn của Hoa Kỳ, trong nền chính trị thế giới phân làm hai cực của thời kỳ Chiến tranh Lạnh, là thắt chặt quan hệ với Iran trong vùng Tây Á nhiều dầu lửa, chủ yếu do phương Tây kiểm soát.

Năm 1953, Cục Tình báo Trung ương (CIA) Mỹ và Cơ quan Tình báo MI 6 của Anh đóng vai trò chính trong việc lật đổ Thủ tướng Mohammad Mossadeq. Động cơ lật đổ là do ông Mossadeq chẳng những phản đối quyền lực độc đoán của Quốc vương, mà còn chủ trương quốc hữu hóa công nghiệp dầu lửa Iran, qua đó

làm phương hại đến các công ty phương Tây ở đây. Gạt bỏ Mossadeq khỏi chính quyền, Mỹ và Anh củng cố thêm chế độ độc tài của nhà vua. Tổ chức mật vụ SAVAK của Quốc vương chịu trách nhiệm về việc tàn sát hàng nghìn dân Iran chống đối nền độc tài quân chủ, nhưng Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ nhà nước cảnh sát của nhà vua. Phương Tây làm ngơ trước nhân quyền bị nhà vua vi phạm, chững nào chế độ quân chủ này còn phục vụ quyền lợi họ trong khu vực.

Học thuyết Nixon nhấn mạnh Hoa Kỳ cần có một sen đầm địa phương để bảo vệ lợi ích của mình, thế là Quốc vương Iran trở thành sen đầm của phương Tây trong khu vực, nên độc tài Pahlavi được người Mỹ biến thành một trong những trụ cột an ninh chính của Hoa Kỳ ở đây. Nước Iran quân chủ tận tâm bảo vệ lợi ích Mỹ ở vịnh Ba Tư, và trở thành một trong những nước Tây Á mua nhiều vũ khí Mỹ nhất giữa những năm 1970. Ngân sách quốc phòng Iran tăng từ 1,4 tỷ USD năm 1972 lên 9,4 tỷ USD năm 1977, tạo điều kiện xây dựng một quân đội hùng hậu mà sĩ quan được Hoa Kỳ đào tạo. Theo một tài liệu của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, quan hệ quân sự giữa Washington với Tehran “là nền tảng quan hệ chung giữa chúng ta với nhà vua nước đó” và “chế độ của Quốc vương Iran còn phụ thuộc lực lượng an ninh mà ông ta chỉ huy, và sự chống đối vẫn bị kiểm soát chặt chẽ”.

Muhammad Reza xúi giục OPEC (Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa) đẩy giá dầu lên cao vào những năm đầu 1970, vì thế Washington lo ngại “thu nhập về dầu lửa đã giúp Quốc vương Iran tương đối độc lập về tài chính”, nên người Mỹ khó điều khiển ông ta. Chính sách của Quốc vương Iran khiến nhiều bộ phận lớn dân chúng Hồi giáo xa lánh, chưa kể làm gia tăng những chênh lệch xã hội - kinh tế. Hố ngăn cách giữa một số nhỏ những kẻ có thể lực chính trị đã Tây phương hóa với số phận bị lãng quên của dân chúng Hồi giáo, trở thành một trong những nhân tố hàng đầu của cuộc nổi dậy năm 1979, mà đỉnh cao là sự lật đổ chế độ quân chủ và thành lập nước Cộng hòa Hồi giáo Iran.

### Chính sách Hoa Kỳ sau Cách mạng Hồi giáo

Các nhóm Hồi giáo tham gia lật đổ nền quân chủ gồm nhiều phe phái khác nhau nhưng hầu hết đều coi Giáo chủ Khomeini là lãnh tụ tối cao. Căn cứ ở kinh *Qur'an*, và coi thế giới như một hệ thống phân chia thành các *Mustakbarin* (kẻ áp bức) và các *Mustazafin* (người bị áp bức), Giáo chủ muốn thiết lập một xã hội mới ở Iran dựa trên luật *Sharia*. Giáo chủ lên án “bọn đế quốc và những kẻ thống trị ích kỷ độc đoán” đã “chia rẽ” đạo Hồi, gọi Hoa Kỳ là “quỷ Satan lớn” và một “chính phủ khủng bố”. Ông kêu gọi người Hồi giáo đấu tranh để thoát khỏi sự áp chế của phương Tây.

Chính phủ cách mạng Hồi giáo đã kích những nước Tây Á ủng hộ Mỹ kiểm soát khu vực. Đối với Giáo chủ Khomeini, nước Iran cách mạng tiêu biểu cho độc lập, phẩm giá và danh dự mà các nước của khu vực đã mất trong hai thập kỷ bị chủ nghĩa thực dân cũ và mới thống trị. Cách mạng Iran coi đạo Hồi là một hệ tư tưởng xã hội - chính

trị và kinh tế hoàn hảo. Do đó, sự thách thức của Ban lãnh đạo Hồi giáo Iran đối với nước Mỹ là mối quan tâm lớn của các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo Iran đánh dấu một bước ngoặt trong nền chính trị thế giới.

Theo cách nhìn của Giáo chủ Khomeini, nước Iran mới là tấm gương một xã hội Hồi giáo thật sự để các nước cùng tôn giáo noi theo. Ông muốn xây dựng lại các xã hội Hồi giáo bằng luật *Sharia*, chống ảnh hưởng chính trị - văn hóa phương Tây, hay nói cách khác, nguyên lý tinh thần của cách mạng có thể được “xuất khẩu” sang các xã hội Hồi giáo khác. Điều 10 của Hiến pháp Iran năm 1979 nói rằng “Tất cả mọi người Hồi giáo tạo thành một quốc gia duy nhất”, và Chính phủ Cộng hòa Hồi giáo Iran có bốn phạm “liên tục cố gắng để thực hiện sự thống nhất chính trị, kinh tế và văn hóa của thế giới đạo Hồi”. Trong lúc sinh thời Giáo chủ Khomeini đã nói, nền tảng của nước Cộng hòa Hồi giáo là khẩu hiệu “không phương Đông, mà cũng chẳng phương Tây”, tức là chính phủ do Giáo chủ lãnh đạo phải độc lập đối với cả phương Đông và phương Tây.

Cách mạng Iran đã xáo trộn cơ cấu chính trị Tây Á, lúc đó phản ánh thế đối đầu giữa Mỹ và Liên Xô, và trong Chiến tranh Lạnh, hầu hết các nước trong khu vực đều lựa chọn hoặc theo Mỹ hoặc đứng về phía Liên Xô. Sự xuất hiện một nhà nước Hồi giáo cách mạng, tuyên bố độc lập đối với cả hai khối, là một diễn biến mới, trong khi thực chất chính sách Hoa Kỳ hơn hai thập kỷ qua là nhằm giành lại sự kiểm soát chính trị và kinh tế ở Iran.

Ngày 4/11/1979, đông đảo sinh viên tràn vào chiếm đại sứ quán Hoa Kỳ ở Tehran, vì người Mỹ tiếp tục can thiệp vào công việc nội bộ Iran sau

khi Quốc vương bị lật đổ. Hàng trăm tài liệu sinh viên tìm được cho thấy đại sứ quán có nhiều tay chân trong chính phủ và quân đội Iran. Hoa Kỳ phản kháng Chính phủ nước này, và tháng 4/1980, cắt đứt quan hệ ngoại giao. Tổng thống Jimmy Carter áp dụng một loạt biện pháp trừng phạt, bao gồm việc phong tỏa tài sản Iran ở Hoa Kỳ, cấm vận kinh tế, không cấp thị thực cho người Iran muốn nhập cảnh nước Mỹ. Chiến dịch “Móng vuốt Đại bàng” được thực hiện bằng Lực lượng Đặc nhiệm Hoa Kỳ đánh vào đại sứ quán để cứu nhân viên ngoại giao, nhưng kế hoạch không thành.

Sau thất bại của kế hoạch giải cứu con tin, nhà cầm quyền Hoa Kỳ tiếp tục âm mưu lật đổ Chính phủ Hồi giáo, thí dụ như giúp chế độ Saddam Hussein ở Iraq phát động cuộc chiến tranh biên giới năm 1980 để làm cho Chính phủ mới của Iran mất ổn định. Năm tháng trước khi chiến tranh nổ ra, một số quan chức cao cấp Mỹ đã tiếp xúc với chế độ Saddam Hussein, bắt tay với các sĩ quan cao cấp cũ của Quốc vương để âm mưu đảo chính. Cục Tình báo Trung ương (CIA) Mỹ liên hệ với các tướng lĩnh cũ của nhà vua như Tướng Ghulam Ali Oveissi tháng 12/1979, và cựu Thủ tướng Iran là Shahpour Bakhtiar, để vạch kế hoạch. Thêm vào đó, cách mạng Hồi giáo Iran bị cả Saddam Hussein lẫn một số nước vùng Vịnh coi là mối đe dọa.

Do đấy, cùng với sự giúp đỡ của các quan chức cũ dưới chế độ quân chủ và sự hợp tác của các nhà nước thân phương Tây như Morocco, Ai Cập, Kuwait, Saudi Arabia, Jordan, Các Tiểu vương quốc Ảrập Thống nhất, Chính phủ Mỹ tranh thủ sự hỗ trợ của các đồng minh Hồi giáo phi-Ảrập như Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ. Nhà cầm quyền quân sự Pakistan, dưới sự lãnh

đạo của tướng Zia-ul-Hak, một mặt tuyên bố ủng hộ chính phủ cách mạng Iran, nhưng mặt khác ngấm ngấm giúp đỡ Hoa Kỳ. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, tuy công nhận cách mạng Hồi giáo Iran, nhưng ngấm cho phép tướng Bahram Aryana của cựu Quốc vương Iran thành lập “Mặt trận Giải phóng Iran”<sup>(1)</sup>.

Tháng 12/1979, nhiều thay đổi diễn ra trong khu vực, khi Chính phủ Afghanistan được thành lập với sự ủng hộ của Liên Xô. Trước tình hình đó, chế độ quân sự của Tướng Zia-ul-Haq, được sự hỗ trợ công khai của Hoa Kỳ, bèn vũ trang cho các phần tử bạo loạn xuất phát từ Pakistan hoạt động chống nhà cầm quyền Kabul. Hoa Kỳ đồng thời tiếp tục mưu toan lật đổ Chính phủ Iran, đề ra cái gọi là Học thuyết Carter, phát biểu rõ chủ trương của Mỹ như sau: “Mưu toan của bất cứ sức mạnh bên ngoài nào nhằm giành quyền kiểm soát vùng Vịnh Ba Tư... cũng đều bị coi là đánh vào lợi ích sống còn của Hoa Kỳ và... sẽ bị đẩy lùi bằng bất cứ phương tiện nào cần thiết, kể cả lực lượng quân sự”<sup>(2)</sup>. Kết quả của Học thuyết Carter là việc thành lập Bộ Chỉ huy Trung tâm (CENTCOM), một bộ chỉ huy quân sự đặc biệt của Hoa Kỳ, năm 1983 để bảo đảm nguồn cung cấp dầu lửa từ Vịnh Ba Tư, một lợi ích thiết thân của Mỹ. Khu vực hoạt động chiến lược chủ yếu của CENTCOM là vùng vịnh đó, một vùng chứa hai phần ba trữ lượng dầu của thế giới, nhất là năm nước sản xuất hàng đầu như Saudi Arabia, Iraq, Iran, Kuwait và Các Tiểu vương quốc Ảrập Thống nhất lại nằm trong khu vực đó.

Hoàn cảnh chính trị biến đổi ở Iran và Afghanistan những năm cuối 1970 khiến Hoa Kỳ tập trung chú ý vào hai nước này, những nước đã thoát ra ngoài vòng kiểm soát của Mỹ ở Tây

Nam Á. Tại Iran, người Mỹ lúng túng khi phải đối phó với một chính phủ cách mạng Hồi giáo nhất quyết không ngả về phương Đông hay phương Tây, đe dọa phá vỡ nguyên trạng mà Hoa Kỳ duy trì để thực hiện sự kiểm soát chính trị - kinh tế. Tình thế phức tạp thêm khi Iraq mở cuộc tấn công xâm lược Iran ngày 22/9/1980, với lý do nước này vi phạm hiệp ước Algiers năm 1975, quy định hai bên phải tuân thủ nguyên tắc xác định đường biên giới.

### **Đường lối của Mỹ trong cuộc chiến tranh Iran-Iraq**

Thật ra nước Iraq, với đa số dân theo đạo Hồi dòng Shite, cảm thấy bị cách mạng Hồi giáo ở Iran đe dọa khi tính chất cực đoan của nó phá hoại tính hợp pháp của đảng Baath thế tục ở Iraq. Chính phủ Mỹ không phản kháng cuộc xâm lược vì Hoa Kỳ và Iraq có quan hệ mật thiết ở thời kỳ Tổng thống Reagan cầm quyền. Tuy Đặc phái viên Chính phủ Hoa Kỳ ở Iraq là Donald Rumfeld có truyền đạt cho Saddam Hussein hồi tháng 3/1974 lời chỉ trích nước đó sử dụng vũ khí hóa học, nhưng điều đó không có nghĩa là Hoa Kỳ ủng hộ Iran.

Viện trợ quân sự của các nước phương Tây ồ ạt đổ vào Iraq trong những năm 1980 mặc dầu chế độ Saddam Hussein vi phạm nhân quyền một cách thô bạo. Năm 1986 và 1987, quân đội Iraq đứng vững trước các cuộc tấn công của Iran, nhờ nhận được thông tin quân sự tối mật của nước này mà Cục An ninh Quốc gia (NSA) Hoa Kỳ lấy được, cũng như ảnh vệ tinh về sự di chuyển của lực lượng Iran. Tháng 7/1988, tàu chiến USS Vincennes bắn rơi một máy bay chở khách Iran trong không phận quốc tế, làm thiệt mạng 290 người. Trước đây, Hoa Kỳ cho tàu chở dầu Kuwait treo cờ Mỹ để cảnh cáo Iran rằng nếu nước này tấn công các

tàu đó thì Hoa Kỳ coi là đánh vào tàu Mỹ. Hoa Kỳ trực tiếp can thiệp chống Iran năm 1988 cho thấy Chính phủ Mỹ không muốn để nước này thắng lợi trong cuộc chiến tranh.

Trong khi Iran bị hầu hết các quốc gia phương Tây cùng các nước Hồi giáo đồng minh của họ cấm vận vũ khí, thì chế độ Saddam Hussein ở Iraq lại được các nước Ả rập láng giềng giúp đỡ rất nhiều, không kể sự hỗ trợ của phương Tây. Quân đội Iraq cần được nhiều cuộc tấn công của lực lượng Iran, phần lớn nhờ Jordan, Bắc Yemen và Ai Cập hỗ trợ về quân sự, chưa kể được sự giúp đỡ của các quốc gia bảo thủ vùng Vịnh như Kuwait, Oman, Bahrain, Qatar, Saudi Arabia và Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, tập hợp trong Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh năm 1981 để chống nhà nước thân quyền Iran. Chiến tranh Iran-Iraq cướp đi một triệu sinh mạng của hai nước, nhưng mục tiêu can thiệp của Mỹ vào cuộc xung đột là nhằm làm suy yếu cả hai quốc gia mạnh nhất khu vực Tây Á.

Trong cuộc chiến tranh Iran-Iraq, Hoa Kỳ và đồng minh phương Tây không muốn bên nào thắng lợi hoàn toàn vì sợ thế cân bằng lực lượng ở khu vực bị đảo lộn. Vì vậy, một mặt ủng hộ Iraq trong cuộc xung đột, mặt khác Chính quyền của Tổng thống Reagan giữa những năm 1980 đồng tình cung cấp bí mật cho Iran một số lượng vũ khí nhỏ, với lý do khuyến khích nước này buộc tổ chức Hezbollah thân Iran ở Lebanon thả con tin Mỹ.

Chiến tranh chấm dứt vào tháng 8/1988 sau khi Giáo chủ Khomeini chấp nhận thỏa thuận ngừng bắn do Liên hợp quốc thu xếp, nhưng cuộc xung đột đã khiến Iran tổn thất nặng nề về người, vật chất và kinh tế. Theo Chính phủ Mỹ, nền kinh tế Iran tuy

mất khoảng 450 tỷ USD, nhưng làm cho cách mạng Hồi giáo mất nhuệ khí. Ý định “xuất khẩu” cách mạng đã tiêu tan, chính sách đối ngoại của cách mạng Hồi giáo kết thúc khi Giáo chủ Khomeini qua đời tháng 6/1989. Sự kiện này trùng với những thay đổi to lớn diễn ra trên thế giới khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt.

Những năm 1990, phương Tây và Hoa Kỳ tìm cách áp đặt giá trị kinh tế, chính trị và văn hóa của mình lên thế giới thứ ba, đồng thời Chính quyền của Tổng thống Bill Clinton kiên trì giữ “thế mạnh vượt trội” của Hoa Kỳ trên toàn cầu. Đối với khu vực Trung Á và Tây Nam Á thời kỳ hậu-Liên Xô, chính sách Hoa Kỳ nhằm mục tiêu: a) ngăn cản các quốc gia mới độc lập ở Trung Á và các nước Trung Đông (Lybia, Yemen và Syria) khởi rơi vào quỹ đạo Nga; b) tìm cách đưa các công ty dầu lửa Mỹ thâm nhập về mặt thương mại vào khu vực dầu khí của Trung Đông và Trung Á. Theo tính toán của người Mỹ, trữ lượng dầu khí lớn ở Trung Á có thể giúp họ giảm bớt sự phụ thuộc vào dầu lửa vùng Vịnh Ba Tư; c) tạo điều kiện để các nước Cộng hòa Xô viết cũ chuyển sang hệ thống kinh tế thị trường.

Hoa Kỳ cố gắng giảm nhẹ ảnh hưởng của các nước thù địch với mục tiêu chiến lược và kinh tế của mình, kể cả Iran. Trong một hệ thống toàn cầu ngã theo xu hướng “đơn cực” những năm đầu 1990, Hoa Kỳ kiểm chế đối thủ bằng quân sự và kinh tế, làm suy yếu những quốc gia muốn thi hành chính sách đối nội và đối ngoại độc lập. Điểm quan trọng là, những quốc gia này đang nỗ lực xây dựng tiềm lực quân sự và công nghiệp riêng, thách thức chính sách thâm nhập của phương Tây. Iran, Iraq, Libya, Syria, và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên bị bộ máy tuyên truyền Hoa Kỳ

kịch liệt đả kích, bị coi là mối đe dọa bá quyền của người Mỹ. Các nước đó bị cáo buộc đang thực hiện chương trình vũ khí hạt nhân cùng những vũ khí hủy diệt hàng loạt khác.

Tháng 6/1993, Martin Indyk, Cố vấn của Tổng thống Bill Clinton về các vấn đề Cận Đông và Nam Á, nhấn mạnh sự cần thiết phải kiềm chế Iran và Iraq cho đến khi những nước này “thay đổi cách ứng xử”. Theo ông ta, hai nước đó phải bị kiềm chế vì chế độ hiện hành của họ thù địch với lợi ích Hoa Kỳ trong khu vực, “chúng ta không chấp nhận lý lẽ cho rằng nên tiếp tục trò chơi cân bằng lực lượng cũ..., chúng ta bác bỏ lý lẽ đó... chừng nào còn có khả năng duy trì sự có mặt quân sự của mình trong khu vực. Và chừng nào còn có thể trông cậy vào đồng minh khu vực như Israel, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ và Saudi Arabia để duy trì thế cân bằng lực lượng có lợi cho mình ở Trung Đông, thì chúng ta còn có cách chống các chế độ Iraq và Iran”.

Trong trường hợp Iran, lời cáo buộc Iran đe dọa an ninh Hoa Kỳ là không phù hợp với thực tế, vì Chính phủ nước này đã cắt giảm chi phí quân sự sau cuộc chiến tranh với Iraq do khó khăn về kinh tế. Ngân sách quân sự Iran giảm từ 5 tỷ USD năm 1991 xuống 2 tỷ USD năm 1997, nhưng Hoa Kỳ vẫn nhất định cản trở nước đó tiếp cận công nghệ quan trọng. Thiết bị quân sự trước kia Quốc vương Iran mua của Hoa Kỳ bây giờ đã cũ kỹ, lại không có điều kiện bảo dưỡng do xung đột với Iraq và lệnh cấm vận vũ khí của phương Tây. Như thế, Hoa Kỳ chống Iran không phải vì sức mạnh quân sự của nước này đe dọa người Mỹ, mà do người Mỹ không chấp nhận sự tồn tại chế độ chính trị nước đó.

Tại Tây Á, chế độ Hồi giáo Iran bị hầu hết các chính phủ phương Tây bài xích, mặc dầu Tổng thống Rafsanjani

duy trì chính sách trung lập hoàn toàn trong thời gian Chiến tranh vùng Vịnh năm 1990-1991, Iran không ngăn trở liên quân chống Iraq. Những năm đầu 1990, Iran cải thiện bang giao với Trung Quốc và Ấn Độ để bù đắp vào quan hệ thiếu ổn định với phương Tây, ngoài ra còn thúc đẩy quan hệ với các láng giềng. Tuy nhiên, Hoa Kỳ tiếp tục cáo buộc Iran âm mưu “hoạt động lật đổ” và tiếp tay cho “chủ nghĩa khủng bố quốc tế”, trong khi bản thân Chính phủ Iran là mục tiêu của các phần tử chống phá xuất phát từ Hoa Kỳ và phương Tây.

Tháng 4/1992, Chính phủ Afghanistan của Tổng thống Muhammad Najibullah bị phe chống đối, do Pakistan đỡ đầu và được Hoa Kỳ hỗ trợ, đánh đổ. Hoa Kỳ tiếp tục hợp tác tình báo với quân đội Pakistan khi người Mỹ nghĩ rằng cái bóng của Pakistan che cho Chính quyền mới ở Afghanistan có thể là cửa ngõ để họ đi vào Trung Á. Hơn nữa, chế độ thân Pakistan tại Afghanistan có thể giúp Mỹ kiềm chế ảnh hưởng của Iran trong khu vực, một mục đích chung mà cả Mỹ và Pakistan cùng theo đuổi.

Tuy nhiên năm 1992, một Chính phủ Afghanistan, trong đó người Tajik nói tiếng Ba Tư chiếm đại đa số và do Tổng thống Rabbani lãnh đạo, đã lên cầm quyền. Chính phủ này tái khẳng định chủ quyền của Afghanistan, thực hiện một chính sách đối ngoại độc lập và không liên kết. Thấy hoàn cảnh đó không có lợi cho mình, nhà cầm quyền quân sự - quan liêu Pakistan bèn tham gia dựng lên tổ chức vũ trang Taliban chống Chính phủ Rabbani. Hàng nghìn người Pakistan, người Pashtun ở Afghanistan, và cả người Ả-rập học ở các trường Hồi giáo *madrassas* ở Pakistan gia nhập hàng ngũ Taliban.

Đáng chú ý là, trong số người Ả-rập này có nhiều kẻ là thành viên nhóm *al-Qaeda* của Osama bin Laden. Việc thành lập Taliban được sự ủng hộ của Saudi Arabia và Các Tiểu vương quốc Ả-rập Thống nhất, vì hai nước đó vừa là đồng minh gần gũi của Pakistan, vừa hoan nghênh cách giải thích đạo Hồi của Taliban, và coi tổ chức vũ trang này là công cụ chống Iran, đối thủ của họ trong khu vực.

Vì lý do tương tự, Hoa Kỳ lúc đầu cũng sẵn sàng chấp nhận Taliban. Bằng chứng là, Luật Trừng phạt Iran-Lybia (ILSA) được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua năm 1996, cấm mọi công ty đầu tư trên 40 triệu USD vào các dự án dầu khí ở Iran hay Libya, trong khi Chính quyền Bill Clinton định dùng Taliban làm công cụ chiến lược gây sức ép tại biên giới phía Đông Iran. Hai năm 1995 và 1996, Chính quyền Clinton và Quốc hội Hoa Kỳ trừng phạt Iran vì nghĩ rằng nước này đang phát triển vũ khí hủy diệt hàng loạt và ủng hộ các nhóm khủng bố, trong khi người Mỹ không hề lên án Israel chế tạo vũ khí hạt nhân. Hoa Kỳ ngầm giúp đỡ các toán vũ trang Hồi giáo chống giáo phái Shia ở Pakistan và Afghanistan để kiềm chế Iran. Biện pháp mà Hoa Kỳ sử dụng phản ánh một thực tế là, ưu tiên của người Mỹ được đặt vào dầu lửa và khống chế một khu vực chạy từ Trung Á đến Sừng châu Phi, nhưng chiến lược địa-chính trị đó bị Iran cản trở. Tuy vậy, quan hệ Hoa Kỳ-Iran có dấu hiệu cải thiện trong những năm cuối 1990.

### **Chủ trương của Hoa Kỳ nhằm thay đổi chế độ chính trị ở Iran**

Tháng 6/1997, nhân vật có xu hướng cải cách là Mohammad Khatami được bầu làm Tổng thống thứ năm của Iran. Hoa Kỳ lúc đầu hoan nghênh thắng lợi của Khatami,

vì ông chủ trương cải thiện quan hệ với phương Tây và mở rộng tự do ở xã hội Iran trong khuôn khổ đạo Hồi. Hoa Kỳ hy vọng việc bầu ông Khatami làm Tổng thống sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho một trật tự chính trị kiểu phương Tây do Mỹ kiểm soát. Theo lời một nhân vật quan trọng làm việc trong Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ, nhiều quan chức cao cấp của Tổng thống Khatami đã nói với người Mỹ rằng Tổng thống “thông cảm” với nỗi lo ngại của Hoa Kỳ về chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) của Iran.

Quả thật Iran dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Khatami có theo đuổi chính sách đối ngoại rất ôn hòa. Để tỏ thiện chí hòa giải với phương Tây, Chính quyền Khatami tuyên bố hủy bỏ *fatwa* (mệnh lệnh tôn giáo) mà Giáo chủ Khomeini ban bố, một mệnh lệnh kết án tử hình nhà văn Salman Rushdie quốc tịch Anh vì tội phỉ báng đạo Hồi và đấng Tiên tri Muhammad. Đích thân Tổng thống Khatami nói rằng “chúng tôi coi vấn đề Salman Rushdie như đã hoàn toàn kết thúc”, điều đó mở đường cho quan hệ cải thiện giữa Iran với Anh và Liên minh châu Âu (EU).

Trong khi đó, Hoa Kỳ nổi lỏng lệnh trừng phạt đối với được phẩm và lương thực xuất khẩu sang Iran, gửi hàng cứu trợ sang Iran cho nạn nhân động đất. Iran tỏ tình thân thiện với các nước thân Mỹ trong khu vực như Saudi Arabia, các Tiểu vương quốc vùng Vịnh, và cả Pakistan. Ngoại trưởng Madeleine Albright của Mỹ cũng tuyên bố cần cải thiện quan hệ giữa Tehran và Washington. Điều hệ trọng nhất là, Iran từ bỏ một vài điểm cực đoan quá khích trong đường lối đối ngoại của Giáo chủ Khomeini.

Tự do được mở rộng ở Iran cung cấp cho Hoa Kỳ nhiều cơ hội thâm nhập

giới chính trị và xã hội nước này. Theo cách miêu tả của Hoa Kỳ, Iran là một nước mà trong đó đa số dân chúng, nhất là phụ nữ và thanh niên, có khuynh hướng thân phương Tây nhưng bị một giới tăng lữ độc đoán cai trị. Phái cải cách, tiêu biểu là tổng thống mới được bầu, được xem như niềm hy vọng cho các bộ phận dân chúng có chiều hướng ngả về phương Tây. Cách đánh giá như vậy quá đơn giản và sai lầm, vì phái cứng rắn thật ra là những phần tử muốn giữ lại ít nhất về bề ngoài của di sản cách mạng Hồi giáo, họ cũng muốn bảo vệ chủ quyền quốc gia và các giá trị văn hóa.

Điều làm người Mỹ thất vọng là, mặc dầu Hoa Kỳ ủng hộ xu hướng cải cách, nhưng phái bảo thủ cứng rắn vẫn chi phối Chính phủ Iran. Do đó, Hoa Kỳ tiếp tục duy trì thái độ thù địch với Iran, gây sức ép về vấn đề nhân quyền, cáo buộc nước này ủng hộ chủ nghĩa khủng bố và chế tạo WMD. Ông George W. Bush được bầu làm Tổng thống Hoa Kỳ năm 2001 lại báo hiệu sự nổi trội của phe cực đoan cánh hữu của đảng Cộng hòa Mỹ trong lĩnh vực hoạch định chính sách đối ngoại, một phe được sự ủng hộ của các tập đoàn kinh doanh lớn, các công ty dầu lửa, các nhà tư bản tài chính.

Sau khi lên cầm quyền, ông Bush tiếp tục chính sách của cựu Tổng thống Clinton, tìm cách làm suy yếu Chính phủ Iran, khuyến khích xu hướng chia rẽ bè phái trong giới lãnh đạo nước này, đồng thời hạn chế khả năng quân sự, công nghệ và khoa học của Iran bằng lệnh trừng phạt kinh tế. Hoa Kỳ cho rằng chương trình hạt nhân của Iran và việc nước đó ủng hộ những nhóm như Hezbollah ở Lebanon là mối đe dọa an ninh quốc gia của nước Mỹ. Năm 2001, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gọi Iran là một quốc gia

bảo trợ chính cho chủ nghĩa khủng bố, và trong Thông điệp Liên bang tháng 1/2002, Tổng thống Bush gọi Iran cùng với Iraq và Bắc Triều Tiên là một "trục ma quỷ". Từ đây trở đi, Hoa Kỳ dùng ảnh hưởng đối với nhiều tổ chức quốc tế để tăng cường sức ép Iran, nhất là về chương trình hạt nhân của Tehran.

Từ năm 2001 đến 2003, Hoa Kỳ và đồng minh ngăn cản việc bán cho Iran vũ khí và công nghệ tiên tiến, tăng tài trợ cho các tổ chức chống chính phủ. Nhiều đài phát thanh và truyền hình được CIA hỗ trợ để tuyên truyền chống Iran. Hoa Kỳ mong phe cải cách thay đổi được chế độ chính trị ở nước này, nhưng điều mong đợi đã tiêu tan, và chính nỗi thất vọng đó được phản ánh ở mưu toan làm cho Iran mất ổn định. Reza Pahlavi, con trai quốc vương đã qua đời, được Hoa Kỳ khuyến khích tổ chức một phong trào chống chính phủ hiện hành. Hần khuyến nhà cầm quyền Mỹ tẩy chay Iran về chính trị và kinh tế để chính phủ nước đó lúng túng. Ngày 2/4/2003, Thượng nghị sĩ Sam Brownback đã nghe lời Pahlavi đề nghị Thượng nghị viện Hoa Kỳ cấp 50 triệu USD cho một "Quỹ Dân chủ Iran", và ngày 16/7/2004, Thượng nghị sĩ Santorum đề nghị Quốc hội cho phép tài trợ 10 triệu USD cho các nhóm chống Chính phủ Iran. Nhiều khoản viện trợ mà Quốc hội Mỹ thông qua trong các năm tài chính 2004 và 2005 thể hiện rõ ý đồ của Hoa Kỳ muốn thay đổi chế độ chính trị ở Iran.

Cuộc chiến tranh ở Iraq và Afghanistan đã biến đổi hẳn cảnh quan địa-chính trị và cách tính toán chiến lược của Iran. Nước này lọt vào giữa các quốc gia có quân Mỹ chiếm đóng hay bị Mỹ kiểm soát. Từ năm 2001 đến 2004, căn cứ quân sự của

Hoa Kỳ và đồng minh được đặt ở hầu hết các nước láng giềng Iran. Quân đội và tình báo Hoa Kỳ có mặt tại Azerbaijan, Armenia, Thổ Nhĩ Kỳ (thành viên NATO), Pakistan (đồng minh ngoài NATO), Kuwait, các Tiểu vương quốc vùng Vịnh, Bahrain, Oman và Saudi Arabia, chưa kể các căn cứ quân sự lớn của Hoa Kỳ được xây dựng ở Afghanistan, nhất là ở hai thành phố tiếp giáp biên giới Iran là Herat và Kandahar. Có thể các Chính phủ Iraq, Pakistan và Afghanistan sẽ ủng hộ Washington nếu nhà cầm quyền Hoa Kỳ quyết định tấn công cơ sở hạt nhân ở Iran.

Trong môi trường địa-chính trị này, Iran tiếp tục theo đuổi một đường lối đối ngoại thận trọng ở khu vực để tránh xung đột trực tiếp với lợi ích của phương Tây. Trong khi nhấn mạnh sự cần thiết phải rút quân Anh và Mỹ khỏi Iraq, Chính phủ Tehran vẫn tránh can thiệp vào nội bộ nước Iraq hậu-Saddam, tuy nhiều nhân vật thuộc giáo phái Shite như cựu Thủ tướng Ibrahim Jaafari của Iraq đã xin cư trú chính trị ở Iran sau khi phản đối chế độ độc tài Saddam Hussein. Khuynh hướng đối ngoại này cho thấy sức mạnh vượt trội của phương Tây buộc Tehran phải có cách tính toán thực dụng vì lợi ích quốc gia của mình. Kết quả là, vai trò của ý thức hệ trong chính sách đối ngoại đã suy giảm.

Đối với Israel, Chính quyền Tehran chỉ đe dọa bằng lời lẽ khoa trương, chứ chưa có hành động nào trong thực tế. Ngoài ra, Tehran đã đón tiếp nhiều thành viên của Chính phủ Iraq mới sang thăm, đã công nhận tính hợp pháp của Chính phủ Karzai ở Afghanistan. Nhưng mặc dầu Thứ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ là Richard Armitage tuyên bố hồi tháng 12/2003 rằng việc thay đổi chế độ chính trị ở



Iran không còn là chính sách của Chính phủ Mỹ nữa, mục tiêu cuối cùng của Tổng thống Bush vẫn là lật đổ Chính quyền hiện hành.

Tháng 2/2005, Ngoại trưởng Condoleezza Rice của Hoa Kỳ công khai lên án Iran, bà còn nói tại Quốc hội Mỹ rằng nước đó là một trong sáu “tiên đôn của nền chuyên chế” mà Mỹ muốn “thay đổi chế độ” (Cuba, Myanmar, Zimbabwe, Belarus, Bắc Triều Tiên và Iran). Đối với Iran, Tổng thống Bush định áp dụng chiến lược gọng kìm, và theo lời Đại sứ Mỹ ở Afghanistan là Zalmay Khalilzad, thì Mỹ sẽ phối hợp sức ép kinh tế và ngoại giao với sự hỗ trợ tích cực của lực lượng chống chính phủ trong nước Iran. Báo *Washington Post*<sup>(3)</sup> nói rằng, Lâu Năm góc ủng hộ một liên minh bí mật với lực lượng đối lập Mujahidin-e-Khalq của Iran có căn cứ ở Iraq, mặc dầu lực lượng này đã bị Chính phủ Mỹ coi là tổ chức khủng bố năm 1997.

### Hoa Kỳ với chương trình hạt nhân của Iran

Để đối phó với mưu toan chế tạo vũ khí hạt nhân của Iran, Chính phủ Mỹ thực hiện chiến lược cô lập nước này trên trường quốc tế. Sau khi quân đội Mỹ chiếm đóng Iraq, Tổng thống Bush nói rằng nước Mỹ không “để cho Iran chế tạo vũ khí hạt nhân”. Năm 1995, quyết định cấm vận hoàn toàn Iran về thương mại là một trong những phản ứng đáng kể nhất của Chính phủ Mỹ.

Về phía Iran, sau khi đã kích Mỹ đã giúp đỡ Quốc vương Mohammad Reza trở lại cầm quyền năm 1953, Chính phủ nước này nhắc lại là đã ký Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hủy diệt hàng loạt (NPT), và cần có năng lực hạt nhân để sử dụng vì mục đích dân dụng. Chính quyền Tehran

còn tuyên bố hoạt động tự vệ của mình là cần thiết trong một thế giới thù địch, nhất là ở khu vực Trung Đông thiếu ổn định. Iran biện hộ cho các biện pháp phòng thủ của mình trong tình hình khu vực bất ổn, bắt đầu là sự sụp đổ Liên bang Xô viết và sự xuất hiện sáu quốc gia láng giềng mới, vụ xung đột với Iraq, hai cuộc chiến tranh vùng Vịnh, tình hình đối đầu giữa Israel và Palestine.

Vấn đề gây căng thẳng nhất hiện nay giữa Mỹ và Iran là sự nghi ngờ chương trình sản xuất vũ khí của Iran, thái độ không minh bạch của nước này về kế hoạch hạt nhân, mặc dầu quan chức Iran trước sau tuyên bố năng lực hạt nhân của họ chỉ để sản xuất điện. Các giáo sĩ nước này cũng nói rằng luật đạo Hồi không cho phép chế tạo vũ khí hạt nhân.

Ngày 11/11/2003, Thư ký Hội đồng An ninh Quốc gia Tối cao của Iran là Hassan Rowhani khẳng định rằng “vũ khí hạt nhân cùng các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác không quan trọng cho học thuyết phòng thủ của chúng tôi”. Nhưng trước đó, tháng 2/2003, dư luận đã lo ngại khi chính phủ nước này thông báo đang xây dựng tại Arak một nhà máy sản xuất nước nặng, và sẽ có một lò phản ứng mới sử dụng *uranium* thiên nhiên. Thế là cuộc tranh cãi giữa Mỹ và Iran càng diễn ra gay gắt.

Dù những lời công kích nhau có giá trị hay không, thì vẫn rõ ràng cả Mỹ, các đồng minh châu Âu, lẫn Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) đều không đồng tình với thái độ thiếu minh bạch của Iran. Như vậy thì trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống George W. Bush, liệu hai bên có khả năng đối thoại một cách xây dựng không, khi bầu không khí nghi ngờ nhau đã có lịch sử lâu dài, và Iran vẫn tuyên bố không đình chỉ chương trình

hạt nhân. Một số quan chức cao cấp Hoa Kỳ như ông Zbigniew Brzezinski, nguyên cố vấn an ninh quốc gia, và ông Robert M. Gates, cựu Giám đốc CIA, đề nghị Chính phủ Mỹ nên “đối thoại trực tiếp với Iran về những vấn đề cụ thể của ổn định hóa khu vực”.

Cho đến nay, Chính phủ Mỹ vẫn khước từ tham gia trực tiếp vào cuộc thương lượng của EU, chỉ ủng hộ nhóm EU-3 (gồm Pháp, Anh và Đức) từ bên ngoài, và nếu đàm phán thất bại, Chính phủ Mỹ sẽ dựa vào nghị quyết lên án của Hội đồng Bảo an để tấn công Iran giống như Israel ném bom cơ sở hạt nhân Osirak của Iraq năm 1981. Chính phủ Hồi giáo đã chuẩn bị đối phó với khả năng này bằng cách đặt các cơ sở hạt nhân gần các khu dân cư đông đúc hoặc đặt ngầm dưới đất. Mỹ khó xác định nhiều cơ sở hạt nhân rải rác khắp trong nước, chưa kể cuộc tấn công sẽ khiến xu hướng chống Mỹ tăng lên trong khu vực. Nếu mục tiêu lâu dài của Mỹ là lật đổ chế độ thần quyền, thì cuộc tấn công sẽ phản tác dụng vì nó chỉ khiến quyền lực của giáo sĩ tăng thêm.

Mặt khác, chẳng phải người dân Iran nào cũng ủng hộ chương trình WMD. Trong khi một số người coi việc sở hữu WMD là niềm tự hào dân tộc, thì phần đông không quan tâm đến tham vọng hạt nhân mà chỉ nghĩ tới cuộc sống hàng ngày, nhưng trước nguy cơ bị tấn công quân sự, chắc chắn tinh thần dân tộc sẽ dâng cao. Tuy vậy, ký giả Seymour Hersh gần đây tiết lộ trong tờ báo *The New Yorker* là Chính phủ Mỹ đang tiến hành hoạt động ở Iran, máy bay không người lái thường xuyên có mặt trên bầu trời nước này để thu thập thông tin về chương trình vũ khí hạt nhân và khả năng phòng thủ của Iran. Trong một chuyến công du châu Âu, Tổng thống Bush cũng tuyên bố rằng “mọi phương án đang được để trên bàn”.

## Kết luận

Kể từ khi Cách mạng Hồi giáo nổ ra năm 1979, quan hệ giữa Iran với Hoa Kỳ bị coi là một thất bại của chính sách ngoại giao ở cả hai bên. Cách đây chưa đầy 30 năm, hai nước từng là đồng minh và bạn bè thân thiết, đột nhiên trở thành đối thủ. Một xứ sở bên ngoài là một trong các quốc gia theo xu hướng thế tục mạnh nhất Trung Đông, đã trở thành một nhà nước thần quyền. Sau vụ bắt cóc con tin ở Đại sứ quán Mỹ tại Tehran, hai bên đã cắt đứt quan hệ ngoại giao và tiến đến gần bờ vực chiến tranh.

Trong mấy thập kỷ qua, đôi khi có những diễn biến tích cực và nhiều trường hợp hai bên coi trọng lợi ích chung trong vấn đề Iraq, Afghanistan, và chống buôn bán ma túy xuyên quốc gia. Bây giờ xung đột giữa hai bên có nhiều nguồn gốc, nhưng thường tập trung ở lời cáo buộc Iran vi phạm nhân quyền, tiếp tay cho chủ nghĩa khủng bố, giúp đỡ các phần tử tôn giáo cực đoan trong thế giới Ả-rập, phá hoại quá trình hòa giải giữa Israel và Palestine, tìm kiếm vũ khí hủy diệt hàng loạt, sau cùng đi đến cấm vận hoàn toàn.

Đã đến lúc hai bên phải tìm hiểu nhu cầu của nhau, thấy lợi ích của đối thoại xây dựng mà nhân nhượng nhau. Iran nên có thái độ minh bạch về chương trình hạt nhân, Mỹ cần từ bỏ lệnh cấm vận và trừng phạt kinh tế. Phần lớn các nhà phân tích quan hệ Mỹ - Iran nhận thấy sự đối đầu chẳng lợi cho bên nào ■

### Tài liệu tham khảo:

1. Current History, April 2005.
2. International Affairs, No 80, 2004.
3. Asian Affairs, Vol. 31.

### Chú thích:

- (1) The New York Times, 7/3/1982.
- (2) Washington Post, 24 January 1980.
- (3) Washington Post, May 2003..